

Số: **80/2020/QĐST-HNGĐ**

S, ngày 01 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 83/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tạ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nhật M, sinh ngày 20/5/2018 cho chị Tạ Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn D được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng*), kể từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu Mai đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh Phạm Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Tạ Thị Ngọc H số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung và khoản tiền phải trả, kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị Tạ Thị Ngọc H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003283, ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Phạm Văn D phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 187.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng 337.500đ (*Ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Đông Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế